

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

(Ban hành theo Quyết định số 281/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 14 tháng 7
năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPTDTT Hà Nội)

HÀ NỘI - NĂM 2020

Số: 28/ QĐ-ĐHSPTDTHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ Chính quy ngành Giáo dục Thể chất, theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TĐTT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 83/2003/QĐ-TTg ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSPTĐTT Hà Nội (nay là Trường ĐHSPTĐTT Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Điều lệ trường Đại học, quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ thông tư số 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/4/2015 của BGD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản ngày 10/07/2020 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Thể chất theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

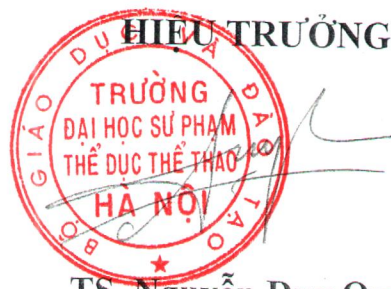
Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ Đại học (hệ chính quy) ngành Giáo dục Thể chất theo hệ thống tín chỉ;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ Khóa 53 trình độ Đại học;

Điều 3. Các Phòng, Khoa, Trung tâm, Bộ môn và các đơn vị trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi gửi:

- Bộ GD&ĐT, BGH trường (để báo cáo);
- Các Phòng, Khoa, Bộ môn (để thực hiện);
- Lưu : QLĐT, HC-TH,



TS. Nguyễn Duy Quyết

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

*(Ban hành kèm theo quyết định số 281 /ĐHSPTDTHN, ngày 14 tháng 1 năm 2020
của Hiệu trưởng trường ĐHSPTDTHN Hà Nội)*

Tên chương trình	: Giáo dục Thể chất
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Giáo dục Thể chất (Physical Education)
Mã ngành	: 7140206
Loại hình đào tạo	: Chính quy

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất đào tạo giáo viên giáo dục thể chất có kiến thức và kỹ năng sư phạm tốt, đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam; đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới; trở thành người công dân tốt, người giáo viên trung thực và sáng tạo, nhân ái và khoan dung, tận tụy vì sự nghiệp giáo dục thế hệ tương lai; sống gương mẫu, có ý thức trách nhiệm cao với bản thân, gia đình và đất nước; có bản lĩnh vững vàng trong một thế giới ngày càng hội nhập và thay đổi.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Khỏi kiến thức đại cương

- Hiểu biết cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Có kiến thức cơ bản về âm nhạc, hoạt động đoàn đội, khoa học xã hội và nhân văn để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- Có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có kiến thức đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại thông tư 03/2014/TT-BGDĐT ngày 11/3/2014 của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ thông tin và Truyền thông

1.2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- Hiểu biết sâu sắc về khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm nhằm làm cơ sở lý luận cho các công tác giáo dục và dạy học giáo dục thể chất trong nhà trường.

- Hiểu biết các tư tưởng, quan điểm và các nguyên tắc trong thiết kế chương trình môn học trong trường phổ thông và cơ sở giáo dục đại học.

- Nắm vững một số phương pháp nghiên cứu khoa học thông dụng trong giáo dục thể chất; nắm vững các kiến thức về toán thống kê được sử dụng trong hoạt động thể thao.

- Hiểu biết và vận dụng cơ sở lý luận, các phương pháp trong rèn luyện thể lực và hình thành kỹ năng của hoạt động thể dục thể thao;

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về sinh lý, giải phẫu người và y học trong thể thao.

1.2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu các môn thể thao chuyên ngành vào dạy học môn giáo dục thể chất trong nhà trường.

- Có khả năng tìm kiếm và đọc hiểu cơ bản các tài liệu nghiên cứu chuyên ngành bằng ngoại ngữ.

- Có năng lực phân tích, đánh giá được trình độ, năng lực, nhu cầu của người học để lựa chọn được hình thức, phương pháp, khối lượng tập luyện cho phù hợp.

- Nắm được các phương pháp giảng dạy của môn học giáo dục thể chất nhằm tăng cường thể chất và phát huy tính tích cực, phát triển kỹ năng và rèn luyện khả năng tự luyện tập của học sinh.

- Có năng lực vận dụng được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực Giáo dục thể chất để phát triển phong trào TDTT và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

- Có hiểu biết cơ bản về đánh giá thể chất, dinh dưỡng, phòng chống và chữa trị chấn thương trong hoạt động TDTT;

1.2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng lập kế hoạch dạy học: xây dựng kế hoạch dạy học môn học ở từng cấp lớp, biết thiết kế giáo án giảng dạy cho từng tiết học với các mục tiêu dạy học rõ ràng và các hoạt động dạy học được tổ chức có tính sư phạm cao; chọn lọc và sắp xếp các chủ đề hoặc nội dung dạy học theo trình tự hợp lý nhằm giúp học sinh dễ dàng đạt được mục tiêu học tập.

- Vận dụng các phương pháp dạy học và phương tiện dạy học khác nhau trong quá trình dạy học nhằm giúp học sinh học tập một cách tích cực và hiệu quả.

- Có kỹ năng tạo ra bầu không khí học tập ở lớp trong đó thái độ tích cực học tập của học sinh và các ý kiến khác nhau của học sinh được phát huy và tôn trọng; quản lý các hoạt động trong lớp một cách hiệu quả và biết cách thu hút học sinh vào các hoạt động trong lớp; quản lý hành vi của học sinh và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong học tập của học sinh.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác chủ nhiệm gắn với kế hoạch dạy học và có các biện pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh của lớp.

- Có kỹ năng tổ chức và thực hiện tốt công tác chủ nhiệm lớp, các hoạt động tập thể, công tác Đoàn, Đội cho học sinh.

- Có kỹ năng đánh giá kết quả học tập của học sinh, đưa ra nhận định chính xác và tin cậy về sự tiến bộ của học sinh; vận dụng kết quả đánh giá học sinh để đề ra tiến trình bài giảng, kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục học sinh tiếp theo.

- Xây dựng hồ sơ giáo dục và giảng dạy: Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy.

- Có kỹ năng tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa trong và ngoài nhà trường.

- Có khả năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào giảng dạy giáo dục thể chất và TDTT.

- Có kỹ năng thực hành các môn thể thao trong chương trình đào tạo và đạt tiêu chuẩn (hoặc tương đương) vận động viên cấp 2 ở môn thể thao chuyên ngành; tiêu chuẩn vận động viên cấp 3 ở một môn Điền kinh (bắt buộc) và một môn thể thao tự chọn (không trùng với môn chuyên sâu).

- Có kỹ năng cơ bản về xử lý chấn thương, xoa bóp, hồi phục, điều trị bệnh lý cơ bản trong hoạt động thể thao.

1.2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Có lòng yêu nghề, có tinh thần học hỏi, có ý chí không ngừng nâng cao kiến thức và rèn luyện kỹ năng sư phạm để hoàn thành càng ngày càng tốt hơn công tác giảng dạy và giáo dục học sinh.

- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

- Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được các quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

- Có tính trung thực, đoàn kết, cao thượng tinh thần thượng võ trong TDTT.

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Uta

- Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân; Tôn trọng những chuẩn mực xã hội.

- Tôn trọng nội quy, quy chế làm việc của ngành giáo dục.

1.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ, giáo viên, giảng viên giảng dạy môn giáo dục Thể chất ở các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, viện nghiên cứu.

- Lãnh đạo, chuyên viên, cán bộ trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp;

- Huấn luyện viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDDT tại các Trung tâm TDDT, Câu lạc bộ TDDT ...

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Có khả năng học tập nghiên cứu ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ trong và ngoài nước cùng ngành hoặc ngành gần đáp ứng được nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý, điều hành TDDT ở các cấp./.

1.3. Thời gian đào tạo: 4 năm.

1.4. Khối lượng kiến thức toàn khoá học (Tính bằng tín chỉ) bao gồm: 132 tín chỉ (TC), không tính phần nội dung Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

1.5. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và Đề án tự chủ tuyển sinh của trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội.

Ngoài ra thí sinh thi vào học ngành Giáo dục thể chất phải có năng khiếu TDDT, cơ thể cân đối, không bị dị tật, dị hình, có sức khoẻ và thể lực tốt để đảm bảo học tập và công tác TDDT lâu dài.

1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

1.7. Thang điểm: Đánh giá theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), sau đó được chuyển thành điểm chữ: Loại đạt (A,B,C,D); Loại không đạt (F); Chưa đủ dữ liệu đánh giá (I); Chưa nhận được kết quả thi (X) của Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

1.8. Nội dung chương trình đào tạo:

Khối lượng kiến thức toàn khóa học gồm 132 tín chỉ, bao gồm các khối kiến thức sau:

- *Khối kiến thức giáo dục đại cương: 25 tín chỉ (18.94%)*
- *Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 107 tín chỉ (81.06%).*

Bao gồm:

- + Khối kiến thức cơ sở ngành: 34 tín chỉ (25.76%)
- + Khối kiến thức chuyên ngành: 57 tín chỉ (43.18%).
- + Thực hành, Thực tập sư phạm: 10 tín chỉ (7.58%).
- + Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế) : 6 tín chỉ (4.55%).

1.8.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy trong toàn khóa:

132 tín chỉ, trong đó:

KHỐI KIẾN THỨC	LOẠI HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		TỶ LỆ %
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương:	Bắt buộc	21	25	21.97
	Tự chọn	4		
B. Khối kiến thức GD chuyên nghiệp:			107	78.03
I. Khối kiến thức cơ sở ngành:	Bắt buộc	30	34	25.76
	Tự chọn	4		
II. Khối kiến thức chuyên ngành:	Bắt buộc	34	57	43.18
	Tự chọn	23		
Thực hành, Thực tập sư phạm:			10	7.58
Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế):			6	4.55
Tổng cộng:			132	100

1.8.2. Khung chương trình đào tạo toàn khóa:

TT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ HP	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT
A		HỌC PHẦN ĐẠI CƯƠNG	11	25	375	
		Bắt buộc	9	21	315	
1	THM1001	Triết học Mác - Lênin	1	3	45	
2	KCT1002	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	1	2	30	THM1001
3	CXH1003	Chủ nghĩa xã hội Khoa học	1	2	30	THM1001, KCT1002
4	TTH1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2	30	THM1001, KCT1002, CXH1003
5	LCS1005	Lịch sử ĐCSVN	1	2	30	THM1001, TTH1004
6	TIN1006	Tin học	1	2	30	
7	TIA1007	Tiếng Anh 1	1	3	45	

8	TIA1008	Tiếng Anh 2	1	3	45	TIA1007
9	TLH1009	Tâm lý học	1	2	30	GPH2009
10	QPA1010-1013	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	11*	165	
11		Công tác đoàn đội	Tập huấn trước tết (hoặc vào hè)			
		Tự chọn	2	4	60	
12	AMN1018	Âm nhạc	1	2	30	
13	TVH1019	Tiếng Việt thực hành	1	2	30	
14	VHV1020	Cơ sở văn hoá VN	1	2	30	
15	LOG1021	Logic học	1	2	30	THM1001,TTH1004
16	QLN1022	Quản lý HCNN và QL ngành GDDT	1	2	30	THM1001
17	PLĐ1023	Pháp luật Đại cương	1	2	30	THM1001
B		HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN				
I		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	15	34	525	
1.1		Bắt buộc	13	30	465	
18	GPH2009	Giải phẫu TĐTT	1	2	45	
19	TLT2003	Tâm lý học TĐTT	1	2	30	TLH1009
20	GDT2001	Giáo dục học TĐTT	1	3	45	TLT2003
21	GTS2002	Giao tiếp sư phạm	1	2	30	TLH1009; TLT2003; GDT2001
22	PKG2004	Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong giáo dục	1	2	30	TLT2003; GDT2001;
23	SLT2005	Sinh lý học TĐTT	1	3	45	GPH2009
24	LLT2006	Lý luận và PP TĐTT 1	1	2	30	GPH2009,SLT2005,TLT2003;GDT2001;
25	LLT2007	Lý luận và PP TĐTT 2	1	2	30	LLT2006
26	LLH2008	Lý luận & PP GDTC trường học	1	2	30	LLT2006; LLT2007
27	TTK2010	Toán thống kê trong TĐTT	1	2	30	TIN1006
28	NCT2011	Phương pháp NCKH TĐTT	1	2	30	TTK2010; LLT2006; TLT2003
29	ĐKC2012	Điện kinh căn bản	1	3	45	
30	TDC2013	Thế dục căn bản	1	3	45	
1.2		Tự chọn	2	4	60	
31	QLT2014	Quản lý TĐTT	1	2	30	LLT2006; LLT2007; LLH2008
32	SHT2015	Sinh hóa TĐTT	1	2	30	GPH2009
33	VST2016	Vệ sinh học TĐTT	1	2	30	GPH2009, SLT2005
34	LQC2017	Lý luận thể thao quần chúng	1	2	30	LLT2006; LLT2007; QLT2014;

						TLT2003
35	LST2018	Lịch sử TDĐT	1	2	30	LLT2006; LLT2007; LLH2008
		Tổng số phần cơ sở ngành	15	30	450	
II		KIẾN THỨC NGÀNH	20	57	870	
2.1		Bắt buộc	12	34	525	
36	ĐKI3001	Điện kinh và PP giảng dạy	1	3	45	ĐKC2012
37	TDU3002	Thế dục và PP giảng dạy	1	3	45	TDC2013
38	BLO3003	Bơi lội và PP giảng dạy	1	3	45	ĐKC2012, TDC2013
39	BĐA3004	Bóng đá và PP giảng dạy	1	3	45	ĐKC2012, TDC2013
40	BCH3005	Bóng chuyền và PP giảng dạy	1	3	45	ĐKC2012, TDC2013
41	CLO3006	Cầu lông và PP giảng dạy	1	3	45	ĐKC2012, TDC2013,GPH2 009
42	BBA3007	Bóng bàn và PP giảng dạy	1	3	45	ĐKC2012, TDC2013,GPH2 009
43	BRO3008	Bóng rổ và PP giảng dạy	1	3	45	ĐKC2012, TDC2013,GPH2 009
44	VTH3009	Võ thuật và PP giảng dạy	1	3	45	ĐKC2012, TDC2013,GPH2 009
45	TAC3010	Tiếng anh chuyên ngành 1	1	2	30	TIA1008
46	TAC3011	Tiếng anh chuyên ngành 2	1	2	30	TAC3010
47	YHT3012	Y học TDĐT	1	3	60	GPH2009, SLT2005
2.2		Tự chọn	4	8	120	
48	ĐCA3013	Đá cầu và PP giảng dạy	1	2	30	ĐKC2012, GPH2009
49	TCD3014	Trò chơi vận động và PP giảng dạy	1	2	30	
50	YOG3015	Yoga và PP giảng dạy	1	2	30	
51	COV3016	Cờ vua và PP giảng dạy	1	2	30	GPH2009, TLT2003
52	QVO3017	Quần vợt và PP giảng dạy	1	2	30	ĐKC2012, GPH2009
53	GOL3018	Golf và PP giảng dạy	1	2	30	
		Kiến thức chuyên ngành	4	15	225	
54	CĐK3019-3022	Chuyên ngành điện kinh và PPHL				ĐKI3001
55	CTD3023-3026	Chuyên ngành thể dục và PPHL	4	15	225	TDU3002
56	CBD3027-3030	Chuyên ngành bóng đá và PPHL				BĐA3004

57	CBC3031-3034	Chuyên ngành bóng chuyền và PPHL				BCH3005
58	CBR3035-3038	Chuyên ngành bóng rổ và PPHL				BRO3008
59	CCL3039-3042	Chuyên ngành cầu lông và PPHL				CLO3006
60	CBB3043-3046	Chuyên ngành bóng bàn và PPHL				BBA3007
61	CQV3047-3050	Chuyên ngành quần vợt và PPHL				QVO3017
62	CĐC3051-3054	Chuyên ngành đá cầu và PPHL				ĐCA3013
63	CVO3055-3058	Chuyên ngành võ và PPHL				VTH3009
64	CBO3059-3062	Chuyên ngành bơi và PPHL				BLO3003
65	CCV3063-3066	Chuyên ngành cờ vua và PPHL				COV3016
66	CYH3067-3070	Chuyên ngành y học thể thao				YHT3012
III	THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP		2	10	150	
67	THS4001	Thực hành Sư phạm	1	2	30	
68	TTS4002	Thực tập Sư phạm	1	8	120	THS4001
IV	KHÓA LUẬN HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ		1	6	90	
4.1	Khóa luận tốt nghiệp		1	6	90	
69	KTN4003	Khóa luận tốt nghiệp	1	6	90	
4.2	Học phần chuyên môn thay thế		3	6	90	
70	TTG4004	Thể thao giải trí	1	2	30	LLT2006; LLT2007; QLT2014; TLT2003.
71	TTT4005	Truyền thông và Marketing thể thao	1	2	30	KTT4003; QLT2014
72	KTT4006	Kinh tế học thể dục thể thao	1	2	30	LLT2006; LLT2007; QLT2014
73	LTT4007	Lý luận thể thao thành tích cao	1	2	30	LLT2006; LLT2007; TLT2003; GPH2009; YHT3012;
74	DDT4008	Dinh dưỡng trong TDTT	1	2	30	GPH2009
			49	132	201	
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ			0	

Ghi chú: “” Không tính vào số tín chỉ và điểm của chương trình đào tạo*

1.9. Mô tả nội dung các học phần trong chương trình đào tạo:

Quy ước ký hiệu học phần là (HP).

2. HỌC PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 25 tín chỉ

2.1 HỌC PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (Bắt buộc) 21 tín chỉ

2.1.1. Triết học Mác - Lênin: THM1001 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết : Không.

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hướng dẫn số 3056/-BGD&ĐT ngày 19/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận trong các chương trình đào tạo ngành không chuyên về lý luận chính trị.

2.1.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin: KCT1002 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết : THM1001

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hướng dẫn số 3056/-BGD&ĐT ngày 19/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận trong các chương trình đào tạo ngành không chuyên về lý luận chính trị.

2.1.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học: CXH1003 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết : THM1001, KCT1002

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hướng dẫn số 3056/-BGD&ĐT ngày 19/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận trong các chương trình đào tạo ngành không chuyên về lý luận chính trị.

2.1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: TTH1004 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: THM1001, KCT1002, CXH1003

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hướng dẫn số 3056/-BGD&ĐT ngày 19/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận trong các chương trình đào tạo ngành không chuyên về lý luận chính trị.

2.1.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: LCS1005 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: THM1001, TTH1004

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hướng dẫn số 3056/-BGD&ĐT ngày 19/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận trong các chương trình đào tạo ngành không chuyên về lý luận chính trị.

2.1.6. Tin học: TIN1006 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp một số kiến thức đại cương về Tin học, cách sử dụng các phần mềm hệ thống và tiện ích, đặc biệt là các kỹ năng sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính Excel. Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng tối thiểu để có thể sử dụng máy vi tính vào công việc của người giáo viên và sinh viên sư phạm, có thể tiếp thu và sử dụng được các phần mềm dạy học như: Dạy kỹ thuật đồng tác trên bảng hình, dạy bằng giáo án điện tử Ngoài ra tập trung vào các kỹ năng soạn thảo văn bản, tiểu luận, luận văn trên máy vi tính.

2.1.7 Tiếng Anh 1: TIA1007 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Quy định cho các đối tượng đã hoàn thành chương trình Ngoại ngữ của Trung học phổ thông. Yêu cầu hết khoá học phải đạt được trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.1.8. Tiếng Anh 2 : TIA1008 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TIA1007

Quy định cho các đối tượng đã hoàn thành chương trình Ngoại ngữ của Trung học phổ thông. Yêu cầu hết khoá học phải đạt được trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2.1.9. Tâm lý học: TLH1009- 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: GPH2009.

Tâm lý học Đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý, ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm.

Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: Cung cấp cho sinh viên những vấn đề Lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, thời kỳ phát triển tâm lý con người, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý học sinh phổ thông. Trình bày các nội dung cơ bản về tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo phổ thông.

2.2 HỌC PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (tự chọn): 4 tín chỉ

2.2.1. Âm nhạc: AMN1018 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Trang bị cho người học các lý thuyết cơ bản nhất trong âm nhạc; Trang bị cho người học phần kiến thức ứng dụng âm nhạc bao gồm: Một số bài hát truyền thống; Một số bài hát cho hoạt động cộng đồng; Ứng dụng âm nhạc cho các nội dung trò chơi trong giảng dạy, sinh hoạt cộng đồng; Nhận biết nguyên lý chuyển động của nhịp, phách trong tác phẩm âm nhạc để vận dụng học tập cho các môn thể thao biểu diễn; Biết cách lựa chọn nhạc (có lời, không lời) ứng dụng cho các môn thể thao mang tính biểu diễn (võ, khiêu vũ thể thao, Thể dục đồng diễn, Thể dục cổ động.....) trong công tác giảng dạy, huấn luyện TDTT sau khi ra trường

2.2.2. Tiếng Việt thực hành: TVH1019 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết, kỹ năng và năng lực cơ bản trong việc xây dựng ngôn bản, biết phân tích, thuật lại và xây dựng một tài liệu khoa học. Rèn luyện cho họ kỹ năng đặt câu, đổi câu và chữa các lỗi câu thông thường. Rèn luyện kỹ năng dùng từ và kỹ năng về chính tả...

Chương trình còn được thực hiện thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng, không rơi vào trình bày lý thuyết ngôn ngữ học và Việt ngữ học.

2.2.3. Cơ sở văn hóa Việt Nam: VHV1020 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay.

Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

2.2.4. Logic học: LOG1021 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: THM1001, TTH1004

Học phần giới thiệu cho sinh viên khái niệm về logic học hình thức các qui luật và hình thức cơ bản của tư duy. Qua đó sinh viên được rèn luyện nâng cao tư duy khoa học

2.2.5. Quản lý HCNN và quản lý ngành GDĐT: QLN1022 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: THM1001

Nội dung thực hiện tại Quyết định số 33/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 22/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT.

2.2.6. Pháp luật đại cương: PLĐ1023 – 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: THM1001.

Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về pháp luật đại cương, mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp dạy học phân pháp luật.

2.3 KIẾN THỨC TẬP HUẤN

2.3.1. Giáo dục Quốc phòng- An ninh: (cấp chứng chỉ)

Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 : QPA1010

Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 : QPA1011

Giáo dục quốc phòng và an ninh 3 : QPA1012

Giáo dục quốc phòng và an ninh 4 : QPA1013

Nội dung ban hành tại Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

2.3.2. Công tác Đoàn, Đội : (cấp chứng nhận)

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý luận công tác đoàn đội, làm cơ sở cho năng lực nhận thức trong quá trình vận hành và thực thi nhiệm vụ chuyên môn về công tác đoàn đội. Tiếp nhận một cách cơ bản những nghiệp vụ trong tổ chức công tác đoàn đội và hoạt động phong trào thanh thiếu nhi. Lĩnh hội, thực hành các kỹ năng hoạt động và tổ chức công tác đoàn đội trong nhà trường phổ thông và trên địa bàn dân cư.

3. HỌC PHẦN GIÁO DỤC CHUYÊN MÔN :

3.1 KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH : (34 tín chỉ)

3.1.1 KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (Bắt buộc):

(30 tín chỉ)

3.1.1.1 Giáo dục học Thể dục thể thao: GDT2001 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TLT2003

Giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt ; Giáo dục học là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu , lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng ; Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách ; Mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay ; Các con đường để thực hiện giáo dục.

Giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TĐTT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TĐTT nói riêng.

Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức – nhân cách cho người tập.

Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

3.1.1.2. Giao tiếp sư phạm: GTS2002 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TLH1009; TLT2003;GDT2001.

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về những tri thức cơ bản, hiện đại của giao tiếp sư phạm bao gồm những kiến thức như: Khái niệm, mục đích, vai trò của giao tiếp sư phạm ; Các giai đoạn giao tiếp sư phạm trong quá trình dạy học và quá trình giáo dục; Một số đặc điểm phát triển nhu cầu giao tiếp sư phạm của học sinh phổ thông; Hình thành ở sinh viên kỹ năng giao tiếp sư phạm và các nhóm kỹ năng giao tiếp sư phạm vào công tác giảng dạy và giáo dục. Trên cơ sở đó hình thành các năng lực và phẩm chất giao tiếp của người giáo viên.

Tự đánh giá khả năng giao tiếp giữa giáo viên với giáo viên, giáo viên với sinh viên. Bên cạnh đó rèn luyện kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm:

Kỹ năng định hướng giao tiếp sư phạm và điều khiển, điều chỉnh đối tượng giao tiếp.

Củng cố cho sinh viên một số kiến thức cơ bản đã được học tập, nghiên cứu nhất là những môn mang tính chất nghiệp vụ như Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp giảng dạy bộ môn nhằm chuẩn bị cho giáo sinh phương pháp làm việc có hiệu quả trong đợt thực tập sư phạm tập trung.

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết chủ yếu, cần thiết để có thể giúp đỡ cho học sinh, cho Đội thiếu niên tiên phong, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí

Minh, cho phụ huynh về một số vấn đề giáo dục thanh thiếu niên, giáo dục gia đình với tư cách là nhà giáo dục.

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về phương pháp tự học, tự bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ, tay nghề, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, hình thành cho sinh viên các kỹ năng hoạt động nghề nghiệp phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của người giáo viên ở trường phổ thông, hình thành một số kỹ năng cơ bản về tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục để tham gia hoạt động xã hội có hiệu quả trong xu thế phát triển của giáo dục hiện đại.

Giáo dục cho sinh viên ý thức thường xuyên gắn liền lý luận với thực tế, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, trường sư phạm kết hợp với phổ thông trong quá trình đào tạo.

Hình thành cho sinh viên ý thức rèn luyện tay nghề, biết liên kết các nội dung rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên với thực tập sư phạm để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề. Nâng cao tình cảm nghề nghiệp: yêu nghề, mến trẻ, “Tôn sư, trọng đạo” cho sinh viên.

3.1.1.3. Tâm lý học Thể dục thể thao: TLT2003 - 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TLH1009.

Nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

3.1.1.4. Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong giáo dục : PKG2004 – 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết : TLT2003; GDT2001;

Hiểu được khái niệm cơ bản về chương trình giáo dục, phân biệt được các khái niệm về chương trình giáo dục, chương trình môn học, chương trình giảng dạy, thu nhận được kiến thức cốt lõi về khoa học phát triển chương trình giáo dục (xây dựng, thực thi và đánh giá chương trình). Trên cơ sở đó, người học có thể tham gia hoặc tổ chức xây dựng chương trình giáo dục/đào tạo/bồi dưỡng một cách khoa học, hiện đại và khả thi trong các điều kiện cụ thể.

Môn học gồm những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá theo chuẩn: Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá, thiết kế câu hỏi, quy trình thiết kế đề kiểm tra, xây dựng bộ công cụ đánh giá.

3.1.1.5. Sinh lý học Thể dục Thể thao: SLT2005 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: GPH2009

- Sinh lý người (1 tín chỉ): Là môn khoa học nghiên cứu chức năng sinh lý của các hệ cơ quan của cơ thể trong mỗi liên hệ thống nhất. Việc giảng dạy môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chức năng sinh lý của các hệ cơ quan, sự điều hòa chức năng để đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển và thích ứng của cơ thể với sự biến đổi của môi trường sống. Nội dung chương trình tập trung vào 2 vấn đề: Sinh lý hệ vận động và hệ điều khiển vận động; Sinh lý các hệ đảm bảo năng lượng cho cơ hoạt động.

- Sinh lý học thể thao (2 tín chỉ) là môn khoa học nghiên cứu cơ chế hoạt động, biến đổi sinh lý của cơ thể dưới tác động của quá trình tập luyện các bài tập thể thao. Việc giảng dạy học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của cơ thể sống, các quy luật hoạt động của cơ thể sống và các quy luật biến đổi do tác động của luyện tập thể dục thể thao. Từ đó là cơ sở để sinh viên tiếp thu 1 cách khoa học các môn thực hành của chuyên ngành GDTC, làm cơ sở cho khoa học huấn luyện, NCKH học các môn thể thao.

Nội dung chương trình sinh lý học TDDT tập trung vào 5 vấn đề chính: Cơ sở sinh lý của quá trình hình thành kỹ năng vận động. Cơ sở sinh lý các tổ chức vận động. Phân loại và đặc điểm sinh lý chung của các bài tập thể thao. Đặc điểm sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động TDDT. Cơ sở sinh lý của trình độ tập luyện.

3.1.1.6. Lý luận và PP Thể dục thể thao 1: LLT2006 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: GPH2009,SLT2005,TLT2003; GDT2001;

Lý luận và phương pháp TDDT : Gồm những kiến thức liên quan đến thực tiễn TDDT (TDDT trong trường học, TDDT sản xuất, TDDT đời sống, phương pháp huấn luyện TDDT ...). Đây là yêu cầu về kiến thức có tính chất chuyên ngành của Giáo dục Thể chất và TDDT.

3.1.1.7. Lý luận và PP Thể dục thể thao 2 : LLT2007 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: LLT2006.

Học phần trang bị kiến thức về bản chất của TDDT, về phương pháp tổ chức các quá trình giáo dục thể chất; hình thành kỹ năng vận dụng lý luận - phương pháp vào thực tiễn công tác, hình thành niềm tin và tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên.

3.1.1.8. Lý luận &PP GDTC trường học: LLH2008 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: LLT2007.

Lý luận và Phương pháp Thể dục Thể thao trường học là một môn học chuyên ngành về giảng dạy và tổ chức hoạt động Thể dục Thể thao trong các trường học.

Giảng dạy môn học nhằm mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về tổ chức dạy học Thể dục Thể thao, cũng như phương pháp tổ chức hoạt động Thể dục Thể thao nói chung trong hệ thống trường học, hình thành kỹ năng sư phạm Thể dục Thể thao xây dựng niềm tin và tình cảm nghề nghiệp cho giáo viên Thể dục Thể thao tương lai.

Trang bị hệ thống kiến thức và phương pháp giảng dạy môn học Thể dục Thể thao trong các trường học.

Hình thành các kỹ năng sư phạm Thể dục Thể thao. Xây dựng niềm tin và tình cảm nghề nghiệp cho giáo viên TDTT trong tương lai.

3.1.1.9. Giải phẫu TDTT: GPH2009 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Sinh viên kiến thức cơ bản về hình thái và cấu tạo cơ thể người, đặc biệt là về hình thái và cấu tạo của bộ máy vận động; của một số hệ thống và cơ quan khác của cơ thể người. Đây là môn học làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức ở các lĩnh vực: sinh lý học TDTT, sinh hoá học TDTT, vệ sinh học, y học TDTT, v.v... làm tiền đề cho việc tiếp thu kiến thức khoa học giáp ranh và khoa học chuyên ngành TDTT. Đây cũng là cơ sở cần thiết để tiếp thu kiến thức sinh cơ học thể thao, giúp sinh viên phân tích tư thế và động tác của cơ thể trong thực hành TDTT (kỹ thuật bài tập thể chất).

Nội dung chương trình tập trung vào: Hệ vận động; Hệ thần kinh; Các cơ quan nội tạng; các giác quan

3.1.1.10. Toán thống kê trong Thể dục Thể thao: TTK2010 – 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TIN1006.

Trang bị cho sinh viên các phương pháp thu thập và xử lý số liệu trong hoạt động Thể dục Thể thao nhằm phục vụ đắc lực cho làm luận văn tốt nghiệp.

Sinh viên phải nắm vững các khái niệm cơ bản về thống kê như: các tham số đặc trưng, cách so sánh hai số trung bình, hai phương sai, tính tương quan ...

Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên phải biết vận dụng các kiến thức vào học tập và NCKH.

Rèn luyện cho sinh viên tư duy khoa học, tính hệ thống, lôgic.

3.1.1.11. Phương pháp Nghiên cứu khoa học TDTT: NCT2011 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TTK2010.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp NCKH. Qua đó giúp sinh viên bước đầu biết tổ chức và tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng các phương pháp nghiên cứu thường dùng để thu thập và xử lý một số thông tin cần thiết. Đồng thời biết viết và trình bày một bản báo cáo khoa học theo đúng trình tự

quy định; cũng như có khả năng diễn giải vấn đề nghiên cứu của mình tại các hội nghị khoa học.

3.2.1.12. Điền kinh căn bản: ĐKC2012 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không.

Học phần trang bị kiến thức chuyên môn cơ bản về kỹ thuật, về chuyên môn các nội dung môn điền kinh như: Kỹ thuật chạy cự ly trung bình, chạy 100m, nhảy cao, cũng như các kiến thức khoa học cơ sở cần thiết về nguyên lý kỹ thuật các môn chạy, nhảy, ném đẩy...

Sinh viên nắm vững kiến thức về phương pháp giảng dạy, huấn luyện, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài ở từng nội dung môn điền kinh như: Kỹ thuật chạy cự ly trung bình, chạy 100m, nhảy cao...

3.2.1.13. Thể dục căn bản: TDC2013 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về đặc điểm vai trò của môn Thể dục, rèn luyện tư thế tác phong chỉ huy điều khiển và tổ chức lớp một cách có khoa học. Bên cạnh đó thông qua các bài tập phát triển thể chất, bài tập phát triển chung, bài thể dục liên hoàn, các bài tập với đạo cụ nhẹ hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản trong môn thể dục. Từ đó phát triển năng lực vận động phát triển các tố chất thể lực cơ bản biết vận dụng kiến thức, kỹ thuật động tác trong học tập các môn thể thao khác cũng như trong cuộc sống.

Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Ngoài ra, học phần còn góp phần, rèn luyện các phẩm chất về đạo đức và ý chí cho sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho học tập các môn thể thao khác. Bên cạnh đó sinh viên có năng lực hướng dẫn tập luyện các nội dung thể dục vì mục đích sức khỏe (chủ yếu là các bài tập phát triển chung và các bài tập với các dụng cụ phổ biến) cho các đối tượng tập luyện. Sinh viên nắm vững phân lý luận và thực hành, biết vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy phù hợp với mọi đối tượng, có năng lực sư phạm cần thiết để giảng dạy tốt môn thể dục. Rèn luyện cho sinh viên tư thế đúng, đẹp, tác phong nhanh nhẹn.

3.1.2 KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (tự chọn):

(4 tín chỉ)

3.1.2.1 Quản lý Thể dục thể thao: QLT2014- 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: LLT2006; LLT2007; LLH2008

Quản lý TDTT nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong quản lý TDTT để nâng cao hiểu biết và vận dụng vào hoạt động tổ chức quản lý các hoạt động TDTT ở cơ sở và trường học sau khi tốt nghiệp. Trang bị những kiến thức cơ bản và cần thiết về khoa học quản lý nói chung và quản lý trong hoạt động TDTT để góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo cán bộ khoa học TDTT.

Sinh viên biết ứng dụng kiến thức vào công tác tổ chức và quản lý các hoạt động TDTT ở cơ sở và giảng dạy TDTT trong trường phổ thông. Góp phần hình thành những phẩm chất và bản lĩnh chính trị vững vàng, biết tổ chức và điều hành công việc, trung thực, thẳng thắn, có lối sống lành mạnh, có khả năng đoàn kết, có ý thức kỷ luật cao nói đi đôi với làm.

3.1.2.2. Sinh hoá Thể dục Thể thao: SHT2015 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: GPH2009.

Học phần trang bị cho sinh viên: những kiến thức cơ bản về thành phần hoá học, quá trình chuyển hoá các chất và năng lượng trong cơ thể sống, cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hoá và chức năng trong cơ thể. Sử dụng các kiến thức sinh hóa làm cơ sở cho huấn luyện TDTT, đánh giá hiệu quả luyện tập và điều chỉnh chương trình, nội dung huấn luyện, giảng dạy các môn TDTT

3.1.2.3. Vệ sinh học TDTT: VST2016 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: GPH2009, SLT2005.

Mục đích của chương trình là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện TDTT, nhằm nâng cao và tăng cường các biện pháp bảo vệ sức khỏe, an toàn trong đời sống, học tập và tập luyện TDTT.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có đủ năng lực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn, biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

3.1.2.4. Lý luận thể thao quần chúng : LQC2017 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: LLT2006; LLT2007; QLT2014; TLT2003

Thể thao quần chúng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức hoạt động tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao tự nguyện nhằm nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho người tập.

3.1.2.5. Lịch sử thể dục thể thao : LST2018 – 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: LLT2006; LLT2007; LLH2008

Lịch Sử TDTT: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc và lịch sử phát triển của TDTT thế giới, của TDTT Việt Nam. Sự hình thành và phát triển của TDTT Việt Nam từ sau cách mạng tháng 8 đến nay. Bước đầu vận dụng những kiến thức được học vào việc giải thích quá trình hình thành và phát triển ngành TDTT nói chung. Từ đó, có cách nhìn đúng đắn và hình thành ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị của TDTT dân tộc. Trên cơ sở đó sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò vị trí to lớn của TDTT trong đời sống xã hội loài người.

3.2. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH : (57 tín chỉ)

3.2.1 KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (Bắt buộc): (34 tín chỉ)

3.2.1.1. Điền kinh & Phương pháp giảng dạy : ĐKI3001 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012

Học phần trang bị kiến thức chuyên môn cơ bản về kỹ thuật, về chuyên môn các nội dung môn điền kinh như: Kỹ thuật nhảy xa, ném bóng, chạy tiếp sức cũng như các kiến thức khoa học cơ sở cần thiết về nguyên lý kỹ thuật các môn chạy, nhảy, ném đẩy...

Sinh viên nắm vững kiến thức về phương pháp giảng dạy, huấn luyện, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài ở từng nội dung môn điền kinh như: Kỹ thuật nhảy xa, ném bóng, chạy tiếp sức...

3.2.1.2. Thể dục & Phương pháp giảng dạy : TDU3002 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TDC2013.

Học phần trang bị, hình thành cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về môn thể dục như:

Nắm trác kỹ năng lập kế hoạch, biên soạn soạn giáo án giảng dạy các kỹ thuật động tác của môn thể dục căn bản (ĐHĐN thể dục phát triển chung, thể dục với đạo cụ) và biết cách biên soạn bài thể dục tay không, thể dục liên hoàn.

Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy môn thể dục căn bản. Hiểu và vận dụng linh hoạt các khẩu lệnh, thuật ngữ chuyên môn, phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác và nắm được cách thức tổ chức, triển khai hoạt động học tập trong môn thể dục.

Có kỹ năng thực hành các kỹ thuật động tác của môn thể dục Aerobic chuẩn xác.

Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về môn học thể dục căn bản và thể dục Aerobic ứng dụng, giảng dạy trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Có kỹ năng tổ chức hoạt động TDTT quần chúng, đáp ứng với các yêu cầu phát triển TDTT trong giai đoạn đổi mới hiện nay.

3.2.1.3. Bơi lội & Phương pháp giảng dạy: BLO3003 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, TDC2013.

Giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn bơi lội và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài... của môn thể thao này; nắm vững nguyên lý kỹ thuật bơi, kỹ thuật xuất phát và quay vòng đơn giản, phương pháp dạy bơi ban đầu, trọng tài bơi lội cấp cơ sở, đồng thời biết sơ lược bơi thực dụng; hoàn thiện kỹ thuật một kiểu bơi thể thao, xuất phát trên bục, quay vòng đơn giản và bơi thực dụng; nắm và biết giảng dạy cho người mới học bơi, hướng dẫn hệ thống tập làm

quen với nước, biết tổ chức dạy, biết tổ chức thi đấu và làm trọng tài bơi lội cấp cơ sở; biết sử dụng môn bơi lội như một phương tiện nhằm phát triển thể lực, vui chơi, giải trí và hồi phục cho môn thể thao chuyên ngành của mình.

3.2.1.4. Bóng đá & Phương pháp giảng dạy: BĐA3004 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, TDC2013.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng đá.

Hình thành các kỹ thuật động tác cơ bản của bóng đá.

Hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên để hướng dẫn cho người mới tập.

3.2.1.5. Bóng chuyền & Phương pháp giảng dạy: BCH3005 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, TDC2013.

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn bóng chuyền, luật thi đấu bóng chuyền mini và người lớn, cách tổ chức và trọng tài, phương pháp dạy bóng chuyền cho học sinh phổ thông.

3.2.1.6. Cầu lông & Phương pháp giảng dạy: CLO3006 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, TDC2013, GPH2009.

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn Cầu lông, luật thi đấu, cách tổ chức và trọng tài môn cầu lông và phương pháp giảng dạy cầu lông cho học sinh phổ thông.

Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của môn học, luật và phương pháp tổ chức thi đấu và giảng dạy môn cầu lông. Bồi dưỡng cho sinh viên phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng trở thành hướng dẫn viên cầu lông ở cơ sở khi ra trường.

Trang bị cho sinh viên những kỹ chiến thuật cơ bản quan trọng của môn cầu lông

Nắm vững luật thi đấu cầu lông, biết phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông ở cấp cơ sở.

3.2.1.7. Bóng bàn & Phương pháp giảng dạy: BBA3007 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, TDC2013, GPH2009

Là một trong những môn cơ bản đối với chuyên ngành giáo dục thể chất nhằm đào tạo sinh viên trở thành những giáo viên, hướng dẫn viên bóng bàn cho các ngành, các trường và các địa phương.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của bóng bàn, nắm được phương pháp tập luyện bóng bàn và luật bóng bàn.

Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản (kỹ thuật đặc trưng nhất).

Biết tổ chức hướng dẫn cho người mới tập môn bóng bàn nắm được luật, tổ chức thi đấu và trọng tài bóng bàn.

3.2.1.8. Bóng rổ & Phương pháp giảng dạy: BRO3008 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, TDC2013, GPH2009 .

Giúp sinh viên nắm vững những cơ sở lý luận của môn bóng rổ. Hình thành một số kỹ thuật động tác cơ bản của bóng rổ, trên cơ sở đó tự tập nâng cao sức khoẻ và năng lực chơi bóng rổ cho bản thân. Biết cách hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia luyện tập.

Nắm vững luật, biết làm trọng tài và thi đấu bóng rổ ở cơ sở.

3.2.1.9. Võ thuật & Phương pháp giảng dạy: VTH3009 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, TDC2013, GPH2009.

Sinh viên nắm được những cơ sở lý luận, khả năng thực hành, phương pháp giảng dạy huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài môn võ thuật và năng lực quản lý câu lạc bộ võ thuật trong thể thao quần chúng.

Biết lập kế hoạch chương trình giảng dạy, huấn luyện những kỹ thuật cơ bản nhất cho môn học. Nắm vững và có khả năng thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản vận dụng các kỹ thuật đó trong thi đấu tự vệ.

3.2.1.10. Tiếng anh chuyên ngành 1: TAC3010 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TIA1008

Quy định cho các đối tượng đã hoàn thành chương trình Ngoại ngữ của Trung học phổ thông. Yêu cầu hết khoá học phải đạt được trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.2.1.11. Tiếng Anh chuyên ngành 2 : TAC3011 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: TAC3010

Quy định cho các đối tượng đã hoàn thành chương trình Ngoại ngữ của Trung học phổ thông. Yêu cầu hết khoá học phải đạt được trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.2.1.12. Y học Thể dục thể thao: YHT3012 - 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: GPH2009, SLT2005.

Trang bị cho sinh viên:

Kiến thức và phương pháp đề bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra.

Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khoẻ, tăng tuổi thọ.

Biết vận dụng các kiến thức Y học vào công tác NCKH TDTT

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có đủ năng lực vận dụng kiến thức y sinh học nói chung, môn y học TDTT nói riêng vào thực tiễn huấn luyện, vận động phong trào để nâng cao thành tích thể thao, tăng cường sức khoẻ nhân dân.

3.2.2 KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH:

3.2.2.1. Tự chọn (8 tín chỉ)

*** Đá cầu & Phương pháp giảng dạy:** ĐCA3013 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, GPH2009.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ, chiến thuật cơ bản của môn đá cầu, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu, cách tổ chức và trọng tài một giải đá cầu ở trường phổ thông .

*** Trò chơi vận động & PP giảng dạy:** TCD3014 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giúp cho sinh viên nắm được những cơ sở lý luận và phương pháp tiến hành của trò chơi nói chung và trò chơi vận động nói riêng; bồi dưỡng cho sinh viên khả năng vận dụng, sáng tác trò chơi vận động và phương pháp vận dụng trò chơi vận động vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

Học phần này còn góp phần giáo dục cho sinh viên lòng yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm trong việc khôi phục, duy trì và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

*** Yoga và & Phương pháp giảng dạy** : YOG3015 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên có kiến thức cơ bản về Triết lý Yoga trị liệu, phương pháp và kỹ thuật trị liệu bằng yoga; Nhận dạng được khả năng vận động, tình trạng sức khỏe và bệnh lý của người tập dựa trên kết quả khám bệnh Y học và các test kiểm tra vận động; Có kiến thức về bệnh lý, sức khỏe và vận dụng yoga phù hợp với từng nhóm sức khỏe, bệnh lý; Có kiến thức và kỹ năng hướng dẫn chỉ định và chống chỉ định trong yoga cho từng nhóm bệnh lý; Tư vấn Yoga trị liệu cho bệnh nhân các nhóm bệnh lý

*** Cờ vua & Phương pháp giảng dạy:** COV3016 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: GPH2009, TLT2003.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn cờ vua, về những nguyên lý thực hiện kỹ thuật và phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài cờ vua.

Biết suy nghĩ độc lập và sáng tạo trong khi giải quyết các nhiệm vụ, tình huống nảy sinh trong một ván cờ, nắm vững và vận dụng được các kỹ, chiến thuật cơ bản vào thực tiễn thi đấu.

Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học.

* **Quần vợt & Phương pháp giảng dạy:** QVO3017- 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: ĐKC2012, GPH2009.

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn quần vợt, tạo điều kiện khi tốt nghiệp ra trường công tác có thể tiếp tục hoạt động môn thể thao này và làm trọng tài quần vợt giải cấp cơ sở.

Rèn luyện một số kỹ năng thực hành cơ bản quan trọng của môn học.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về luật thi đấu, tổ chức và tiến hành giảng dạy ở các cấp cơ sở.

* **Golf và Phương pháp giảng dạy:** GOL3018 – 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: không

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cơ sở lý luận và thực tiễn và phương pháp giảng dạy cũng như huấn luyện môn Golf. Trang bị cho sinh viên năng lực thực hành về kỹ thuật (tư thế đứng, cách cầm gậy và ngắm bóng, Lãng và hạ gậy đánh bóng, kỹ thuật thu gậy), chiến thuật, phương pháp thi đấu, trọng tài môn Golf.

3.2.2.2. Tự chọn chuyên ngành:

**Chuyên ngành Điền kinh, Thể dục, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Bóng bàn, Quần vợt, Đá cầu, Võ, Bơi, Cờ vua:* Từ mã học phần... 3019-3066 (gồm 15 tín chỉ)

Gồm 4 HP :- HP1. Chuyên ngành và Phương pháp huấn luyện: (4 tín chỉ)

- **HP2.** Chuyên ngành và Phương pháp huấn luyện: (4 tín chỉ)

- **HP3.** Chuyên ngành và Phương pháp huấn luyện: (4 tín chỉ)

- **HP4.** Chuyên ngành và Phương pháp huấn luyện: (3 tín chỉ)

(sinh viên chọn một trong các chuyên ngành sau: *Điền kinh, Thể dục, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Bóng bàn, Quần vợt, Đá cầu, Võ, Bơi, Cờ vua, Y học thể thao*)

Điều kiện tiên quyết của từng HP: Các môn Thể thao phổ tu của chuyên ngành đó

Nhằm trang bị các kỹ thuật cơ bản và hệ thống kiến thức của các môn thể thao sở trường, đồng thời bước đầu bồi dưỡng cho họ phương pháp giảng dạy, cách huấn luyện và phương pháp tổ chức trọng tài thi đấu.

Uln

Trang bị kiến thức và những hiểu biết về phương pháp huấn luyện, cách biên soạn tiến trình, kế hoạch huấn luyện các môn thể thao chuyên ngành theo chu kỳ ngắn, trung bình, dài. Nắm được các Test, tiêu chuẩn, cách thức tuyển chọn vận động viên. Trang bị về kỹ chiến thuật, tâm lý, vệ sinh trong thi đấu.

*** Chuyên ngành Y học thể thao Từ mã học phần CYH 3067-3070 (gồm 15 tín chỉ)**

- Học phần 1: Hóa sinh và Sinh cơ TDTT: CYH3067 – 4 tín chỉ

Hóa sinh TDTT cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan trực tiếp đến cấu tạo hóa học của hệ vận động và những biến đổi hóa sinh của cơ thể liên quan mật thiết tới sự hoạt động thể chất của con người. Bao gồm các kiến thức sau:

+ Những kiến thức tiếp cận đối với môn học; Cấu tạo hóa học của hệ vận động; Cơ chế các quá trình biến đổi hóa sinh liên quan tới sự vận động; Các quá trình năng lượng, sự tái tạo năng lượng để duy trì khả năng vận động; Sự biến đổi của những chỉ số hóa sinh liên quan trực tiếp tới quá trình vận động; Sự ảnh hưởng của các yếu tố hóa sinh đến trình độ thể lực và thành tích trong thể thao; Khả năng thích nghi về mặt hóa sinh của cơ thể đối với quá trình tập luyện thể thao.

Sinh cơ TDTT là môn khoa học nghiên cứu vận động của hệ thống sinh học bằng cách áp dụng cơ học. Là một nhánh của vật lý học mô tả vận động và tác động của các lực lên các vật thể và hệ thống cơ học. Phân tích sinh cơ học là phân tích về chuyển động học hoặc lực động học. Nghiên cứu về sinh cơ học giúp sinh viên hiểu rõ hơn các vấn đề liên quan đến hoạt động và sức khỏe con người để từ đó có thể: Đánh giá, điều chỉnh, cải thiện vận động (ví dụ trong thể thao); Phòng ngừa và điều trị các bất thường liên quan đến vận động (trong điều trị, phục hồi chức năng vận động).

- Học phần 2: Kiểm tra y tế trường học + Bệnh học và chấn thương thể thao: CYH3068 – 4 tín chỉ

Kiểm tra y tế trường học: Nội dung kiểm tra y tế học đường gồm các điều kiện bảo đảm về môi trường, cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị, chế độ vệ sinh dạy học, học tập, tập luyện thể dục thể thao và chăm sóc sức khỏe trong các trường học.

Bệnh học và chấn thương thể thao:

Bệnh học là quá trình phản ứng phức tạp của cơ thể đối với các tác nhân gây bệnh, quá trình này sẽ làm rối loạn mối quan hệ cân bằng giữa cơ thể con người với hoàn cảnh ngoại giới. Chấn thương là sự tổn thương các tổ chức cơ quan của cơ thể do tác động ngoại lực như các tác nhân cơ học, lý học hay hoá học...gây nên.

Bệnh học và chấn thương thể thao làm cản trở hoặc làm tổn hại đến chức năng chung của cơ thể. Tất cả các phản ứng của các loại bệnh đều xuất hiện hai mặt:

- Chức năng điều tiết của hệ thống thần kinh trung ương đối với chức năng các hệ thống khác trong cơ thể bị cản trở hoặc tổn thương.

- Phản ứng phức tạp của cơ thể (phản ứng phòng vệ) chống lại các tác nhân gây bệnh làm giảm các rối loạn giúp cho cơ thể hồi phục

Qua đó trang bị kiến thức cần thiết về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, phương pháp chẩn đoán bước đầu các chấn thương và bệnh thường gặp trong tập luyện TDTT...

- Học phần 3: Thể dục chữa bệnh và thể dục dưỡng sinh: CYH3069 – 4 tín chỉ

Thể dục chữa bệnh là môn khoa học y học thể thao, nó căn cứ vào các nguyên tắc khoa học thể dục thể thao kết hợp với các quá trình sinh lý và bệnh lý của cơ thể người nhằm phòng tránh, ngăn ngừa chấn thương, phục hồi các chức năng sinh lý của người bệnh, và phòng tránh cũng như chữa bệnh. Ứng dụng khoa học thể dục thể thao để đánh giá, điều trị, phục hồi chức năng và lựa chọn phương pháp tập luyện chuyên biệt thích hợp cho từng trường hợp cụ thể.

Thể dục dưỡng sinh là 1 phương pháp của thể dục chữa bệnh.. Chế độ luyện tập là nâng cao khả năng điều tiết thể chất và tinh thần của cơ thể, cân bằng và điều phối môi trường bên trong và bên ngoài cơ thể con người, sử dụng các phương pháp điều chỉnh tích cực để kích thích khả năng tự sửa chữa của cơ thể, từ đó cải thiện thể trạng, nâng cao thể lực, phòng chống bệnh tật và kéo dài tuổi thọ ...

- Học phần 4: Hồi phục và xoa bóp thể thao: CYH3070 – 3 tín chỉ

Hồi phục: Là khôi phục lại chức năng sinh lý biến đổi trong vận động về trạng thái trước vận động. Trong giai đoạn hồi phục xảy ra sự đào thải các sản phẩm trao đổi chất, phục hồi nguồn dự trữ năng lượng, tái tạo lượng men đã bị tiêu hao trong thời gian hoạt động cơ. Về thực chất đó là sự hồi phục cân bằng nội môi.

Xoa bóp là sự kích thích cơ học bằng tay hay bằng những dụng cụ máy móc đặc biệt lên cơ thể một cách toàn diện và có liều lượng. Xoa bóp trước hết là tác động lên da, tổ chức dưới da, các cơ vân, các mạch máu, thần kinh, hệ thống xương khớp tại chỗ rồi từ đó qua cơ chế phản xạ thần kinh thể dịch ảnh hưởng đến các tạng và toàn bộ cơ thể.

Hồi phục và Xoa bóp thể thao là một môn khoa học ứng dụng nằm trong hệ thống các môn y sinh học thể dục thể thao, là môn khoa học chuyên ngành của Y học thể dục thể thao, trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về hồi phục, xoa bóp để sinh viên vận dụng được vào việc xoa bóp thay cho khởi động, xoa bóp thúc đẩy quá trình hồi phục, duy trì trạng thái sung sức thể thao, đề phòng

và điều trị các chấn thương thể thao, tăng cường cho công tác huấn luyện để nâng cao thành tích thể dục thể thao.

4. THỰC HÀNH, TẬP SỰ PHẠM: (10 tín chỉ)

4.1 Thực hành sự phạm: THS4001 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Theo quy chế Thực hành .

Thực hành sự phạm (4 tuần) thông qua việc đưa sinh viên về các trường phổ thông để bước đầu tập làm quen với môi trường sự phạm, quan sát và tìm hiểu các yêu cầu đối với người giáo viên TDTT thông qua các công việc sau:

- Tìm hiểu thực tế tại các trường phổ thông;

- Tìm hiểu và thực tập công tác giáo dục (tìm hiểu tình hình học sinh, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm. Qua đó giúp họ có ý thức nghề nghiệp và phương hướng phấn đấu trở thành người giáo viên;

- Bước đầu tìm hiểu thực tế giảng dạy bộ môn (dự giờ, sinh hoạt tổ bộ môn), tham gia giảng dạy môn học (soạn bài, giảng dạy).

Nội dung này được bố trí ở học kỳ 7 năm học thứ 4.

4.2 Thực tập sự phạm: TTS4002 - 8 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: THS4001 và theo quy chế thực tập sự phạm của trường.

Thực tập nghiệp vụ sự phạm (8 tuần) được thực hiện ở kỳ 8 năm thứ 4 sau khi đã cơ bản hoàn thành các nội dung của chương trình. Mục đích của thực tập nghiệp vụ là áp dụng những nội dung đã được học vào thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện ở cơ sở, hình thành năng lực nghiệp vụ sự phạm, rèn luyện các phẩm chất nhân cách của người giáo viên tương lai...

Hiệu trưởng xây dựng mục tiêu, nội dung và tiêu chuẩn chi tiết cho việc đánh giá kết quả thực tập của sinh viên.

5. KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC CÁC HỌC PHẦN THAY THẾ: (6 tín chỉ)

5.1 Khoá luận tốt nghiệp: KTN4003 - 6 tín chỉ

Điều kiện quy định của Nhà trường (xét những sinh viên có học lực từ loại khá trở lên của 3 năm học). Mức độ yêu cầu đối với sinh viên: Hiểu và biết sử dụng những phương pháp NCKH cơ bản.

5.2 Học phần chuyên môn thay thế tốt nghiệp: HTN4003 - 6 tín chỉ

Đối với những sinh viên không đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp (hoặc khoá luận tốt nghiệp bị điểm F) thì phải học các học phần chuyên môn theo chương trình quy định để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của khoá luận tốt nghiệp.

Bao gồm các học phần thay thế cụ thể như sau:

5.2.1. Thể thao giải trí: TTG4004 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: LLT2006; LLT2007; QLT2014; TLT2003

Sinh viên nắm được cơ sở lý luận hình thành thể dục thể thao giải trí như: khái niệm, vai trò, vị trí, đặc điểm, phân loại... cũng như mục đích của vui chơi thư giãn, các yếu tố ảnh hưởng đến vui chơi thư giãn... của môn thể thao giải trí.

Khái quát về các loại hình cơ sở thể dục thể thao giải trí ở nước ta hiện nay: câu lạc bộ thể dục thể thao trường học, cơ sở thể dục thể thao phúc lợi, cơ sở kinh doanh thể dục thể thao giải trí-sức khỏe và các chức năng quản lý các cơ sở thể dục thể thao giải trí này một cách hiệu quả nhất như: quản lý giám sát nguồn nhân lực, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài vụ... Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các môn: cách thức tiến hành, dụng cụ sân bãi, kỹ thuật chơi, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài của những môn thể dục giải trí gắn liền với thiên nhiên mang tính dân tộc: Đá cầu, Nhảy dây, Kéo co, Đẩy gậy, Võ việt nam... Các môn thể dục thể thao giải trí vận dụng trí tuệ, chuyên dịch sự chú ý tập trung vào trò chơi: Esport, Câu cá. Các môn mang tính phô diễn nghệ thuật, vẻ đẹp: Khiêu vũ thể thao, Thể dục thẩm mỹ-Aerobic. Các môn thể thao giải trí thanh lịch với độ chính xác cao: Golf, Bowling, Bi-a.... Giúp người sv có được những kiến thức cơ bản nhất về môn học Thể dục thể thao giải trí.

5.2.2. Truyền thông và Marketing thể thao: TTT4005 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: KTT4003; QLT2014

Truyền thông thể thao nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận truyền thông nói chung và truyền thông thể thao nói riêng. Từ đó sinh viên biết vận dụng hiệu quả trong thực tế: Các yếu tố cơ bản của truyền thông; Sức mạnh của truyền thông; Cách lập kế hoạch truyền thông hiệu quả trong hoạt động TDTT.

Marketing thể thao nhằm trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về Marketing nói chung và Marketing thể dục thể thao(gọi tắt là thể thao) nói riêng để có cơ sở ứng dụng vào thực tiễn phát triển TDTT theo cơ chế thị trường định hướng XHCN.

5.2.3 Kinh tế học Thể dục thể thao: KTT4006 - 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: LLT2006; LLT2007; QLT2014

Sinh viên nắm được những quy luật kinh tế cơ bản như cung cầu, cạnh tranh, giá trị... được vận hành có tính đặc thù trong kinh tế dịch vụ thể dục thể thao

Trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về: khái niệm, đặc trưng, đặc điểm của những sản phẩm hàng hóa “Phi vật chất” hình thành như thế nào trong lĩnh vực kinh tế TDTT, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.2.4. Lý luận thể thao thành tích cao: LTT4007 – 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: LLT2006;LLT2007; TLT2003; GPH2009; YHT3012;

"Lý luận thể thao thành tích cao" là môn khoa học tổng hợp bao gồm các khâu thuộc một hệ thống không thể tách rời được khái quát hóa để dẫn dắt người học cụ thể hơn tới lý luận của từng môn thể thao hoặc nhóm môn thể thao.

"Lý luận thể thao thành tích cao" Nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức khoa học cơ bản và cần thiết về lý luận và thực tiễn quá trình hoạt động thể thao chuyên nghiệp, từ đó họ có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn để nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp của mình.

Giáo trình "Lý luận thể thao thành tích cao" được trình bày trong 8 chương:
Chương 1: Các khái niệm cơ bản; Chương 2: Nội dung của huấn luyện thể thao;
Chương 3: Các quy luật của huấn luyện thể thao; Chương 4: Phương tiện huấn luyện thể thao; Chương 5: Phương pháp huấn luyện thể thao; Chương 6: Tổ chức huấn luyện thể thao; Chương 7: Huấn luyện thể thao là một quá trình nhiều năm; Chương 8: Lập kế hoạch huấn luyện

5.3.5. Dinh dưỡng TDTT: DDT4008 – 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: GPH2009

Các chất dinh dưỡng trong thức ăn là nguồn nguyên liệu chủ yếu cung cấp năng lượng cho cơ thể, là nguyên liệu để xây dựng cơ thể và bù đắp cho sự tiêu hao hàng ngày. Nhu cầu năng lượng cho người hoạt động thể lực chiếm khoảng 25 – 30% tiêu hao năng lượng mỗi ngày và có thể còn cao hơn ở những người hoạt động với cường độ cao, thời gian hoạt động kéo dài. Để xây dựng được một chế độ dinh dưỡng cân đối, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, thể trạng, hoạt động thể chất, nghề nghiệp, ... thì cần có sự hiểu biết đầy đủ về dinh dưỡng. Học phần trang bị các kiến thức về vai trò của các chất dinh dưỡng, sự phân chia các nhóm chất dinh dưỡng, chế độ dinh dưỡng cho người luyện tập và thi đấu thể thao.

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Chương trình đào tạo Đại học ngành Giáo dục thể chất về khối lượng các học phần đưa ra tại mục (1.8.2) gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

+ Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 1.8.2) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa/bộ môn liên quan triển khai

xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ đề học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT, ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Thông tư 57/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và hướng dẫn của Trường.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng (kèm theo) chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, Ban chủ nhiệm sinh viên, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định. *Uhu*

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Duy Quyết

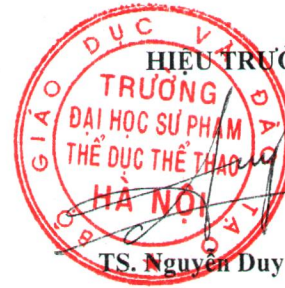
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ HP	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ	NĂM 1		NĂM 2		NĂM 3		NĂM 4		GHI CHÚ
						HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
A		HỌC PHẦN ĐẠI CƯƠNG												
		Bắt buộc	9	21	315	90	105	30	30	30	30	0	0	
1	THM1001	Triết học Mác - Lênin	1	3	45	45								
2	KCT1002	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	1	2	30		30							
3	CXH1003	Chủ nghĩa xã hội Khoa học	1	2	30			30						
4	TTH1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2	30					30				
5	LCS1005	Lịch sử ĐCSVN	1	2	30						30			
6	TIN1006	Tin học	1	2	30			30						
7	TIA1007	Tiếng Anh 1	1	3	45	45								
8	TIA1008	Tiếng Anh 2	1	3	45		45							
9	TLH1009	Tâm lý học	1	2	30		30							
10	QPA1010	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	1*		45									
11	QPA1011	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	1*		30									
12	QPA1012	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3	1*		30									
13	QPA1013	Giáo dục quốc phòng và an ninh 4	1*		60									
14		Tập huấn công tác đoàn đội (4 tuần)												
		Tự chọn	2	4	60	30					30			
15	AMN1018	Âm nhạc	1	2	30	30								
16	TVH1019	Tiếng Việt thực hành	1	2	30	30								
17	VHV1020	Cơ sở văn hoá VN	1	2	30	30								
18	LOG1021	Logic học	1	2	30						30			
19	QLN1022	Quản lý HCNN và QL ngành GDĐT	1	2	30						30			
20	PLĐ1023	Pháp luật Đại cương	1	2	30						30			
Tổng số phần kiến thức đại cương			11	25	375	120	105	30	30	30	60	0	0	
B		HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN												
I		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH												
		Bắt buộc	13	30	465	135	45	30	45	60	60	90	0	
21	GPH2009	Giải phẫu TĐTT	1	2	45	45								giờ TN
22	TLT2003	Tâm lý học TĐTT	1	2	30			30						
23	GDT2001	Giáo dục học TĐTT	1	3	45				45					
24	GTS2002	Giao tiếp sư phạm	1	2	30							30		
25	PKG2004	Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong giáo dục	1	2	30							30		
26	SLT2005	Sinh lý học TĐTT	1	3	45		45							
27	LLT2006	Lý luận PP TĐTT 1	1	2	30					30				
28	LLT2007	Lý luận PP TĐTT 2	1	2	30						30			
29	LLH2008	Lý luận & PP GDTC trường học	1	2	30							30		
30	TTK2010	Toán thống kê trong TĐTT	1	2	30					30				
31	NCT2011	Phương pháp NCKH TĐTT	1	2	30						30			
32	ĐKC2012	Điền kinh căn bản	1	3	45	45								
33	TDC2013	Thể dục căn bản	1	3	45	45								
		Tự chọn	2	4	60			30					30	
34	QLT2014	Quản lý TĐTT	1	2	30								30	
35	SHT2015	Sinh hóa TĐTT	1	2	30			30						
36	VST2016	Vệ sinh học TĐTT	1	2	30			30						
37	LQC2017	Lý luận thể thao quần chúng	1	2	30								30	
38	LST2018	Lịch sử TĐTT	1	2	30								30	
Tổng số phần cơ sở ngành			15	34	525	135	45	60	45	60	60	90	30	
II		KIẾN THỨC NGÀNH		34										
		Bắt buộc	12	34	525	0	90	120	120	90	45	60	0	
39	ĐKI3001	Điền kinh và PP giảng dạy	1	3	45		45							
40	TDU3002	Thể dục và PP giảng dạy	1	3	45		45							
41	BLO3003	Bơi lội và PP giảng dạy	1	3	45					45				
42	BĐA3004	Bóng đá và PP giảng dạy	1	3	45			45						
43	BCH3005	Bóng chuyền và PP giảng dạy	1	3	45				45					
44	CLO3006	Cầu lông và PP giảng dạy	1	3	45			45						
45	BBA3007	Bóng bàn và PP giảng dạy	1	3	45				45					
46	BRO3008	Bóng rổ và PP giảng dạy	1	3	45					45				
47	VTH3009	Võ thuật và PP giảng dạy	1	3	45						45			

TT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ HP	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ	NĂM 1		NĂM 2		NĂM 3		NĂM 4		GHI CHÚ
						HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
48	TAC3010	Tiếng anh chuyên ngành 1	1	2	30			30						
49	TAC3011	Tiếng anh chuyên ngành 2	1	2	30				30					
50	YHT3012	Y học TĐTT	1	3	60							60		giờ TN
		Tự chọn	4	8	120		30		30		30	30		
51	ĐCA3013	Đá cầu và PP giảng dạy	1	2	30					30	30			
52	TCD3014	Trò chơi vận động và PP giảng dạy	1	2	30		30		30					
53	YOG3015	Yoga và PP giảng dạy	1	2	30		30		30					
54	COV3016	Cờ vua và PP giảng dạy	1	2	30		30		30					
55	QVO3017	Quần vợt và PP giảng dạy	1	2	30					30	30			
56	GOL3018	Golf và PP giảng dạy	1	2	30					30	30			
		Thể thao chuyên ngành	4	15	225			60	60	60	45			
57	CĐK3019	Chuyên ngành điện kinh và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CĐK3020	Chuyên ngành điện kinh và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CĐK3021	Chuyên ngành điện kinh và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CĐK3022	Chuyên ngành điện kinh và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CTD3023	Chuyên ngành thể dục và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CTD3024	Chuyên ngành thể dục và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CTD3025	Chuyên ngành thể dục và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CTD3026	Chuyên ngành thể dục và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CBD3027	Chuyên ngành bóng đá và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CBD3028	Chuyên ngành bóng đá và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CBD3029	Chuyên ngành bóng đá và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CBD3030	Chuyên ngành bóng đá và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CBC3031	Chuyên ngành bóng chuyền và PPHL(HP1)	1	4	60			60						
58	CBC3032	Chuyên ngành bóng chuyền và PPHL(HP2)	1	4	60				60					
59	CBC3033	Chuyên ngành bóng chuyền và PPHL(HP3)	1	4	60					60				
60	CBC3034	Chuyên ngành bóng chuyền và PPHL(HP4)	1	3	45						45			
57	CBR3035	Chuyên ngành bóng rổ và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CBR3036	Chuyên ngành bóng rổ và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CBR3037	Chuyên ngành bóng rổ và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CBR3038	Chuyên ngành bóng rổ và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CCL3039	Chuyên ngành cầu lông và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CCL3040	Chuyên ngành cầu lông và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CCL3041	Chuyên ngành cầu lông và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CCL3042	Chuyên ngành cầu lông và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CBB3043	Chuyên ngành bóng bàn và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CBB3044	Chuyên ngành bóng bàn và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CBB3045	Chuyên ngành bóng bàn và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CBB3046	Chuyên ngành bóng bàn và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CQV3047	Chuyên ngành quần vợt và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CQV3048	Chuyên ngành quần vợt và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CQV3049	Chuyên ngành quần vợt và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CQV3050	Chuyên ngành quần vợt và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CĐC3051	Chuyên ngành đá cầu và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CĐC3052	Chuyên ngành đá cầu và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CĐC3053	Chuyên ngành đá cầu và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CĐC3054	Chuyên ngành đá cầu và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CVO3055	Chuyên ngành võ và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CVO3056	Chuyên ngành võ và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CVO3057	Chuyên ngành võ và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CVO3058	Chuyên ngành võ và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CBL3059	Chuyên ngành bơi lội và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CBL3060	Chuyên ngành bơi lội và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CBL3061	Chuyên ngành bơi lội và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CBL3062	Chuyên ngành bơi lội và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CCV3063	Chuyên ngành cờ vua và PPHL (HP1)	1	4	60			60						
58	CCV3064	Chuyên ngành cờ vua và PPHL (HP2)	1	4	60				60					
59	CCV3065	Chuyên ngành cờ vua và PPHL (HP3)	1	4	60					60				
60	CCV3066	Chuyên ngành cờ vua và PPHL (HP4)	1	3	45						45			
57	CYH3067	Chuyên ngành Y học Thể thao (HP1)	1	4	60			60						
58	CYH3068	Chuyên ngành Y học Thể thao (HP2)	1	4	60				60					
59	CYH3069	Chuyên ngành Y học Thể thao (HP3)	1	4	60					60				

TT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ HP	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ	NĂM 1		NĂM 2		NĂM 3		NĂM 4		GHI CHÚ
						HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
60	CYH3070	Chuyên ngành Y học Thể thao (HP4)	1	3	45							45		
		<i>Tổng cộng phân kiến thức ngành</i>	20	57	870	0	120	120	210	150	135	135	0	
III		THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	2	10	150	0	0	0	0	0	0	30	120	
61	THSP70650	THS4001	1	2	30							30		
62	TTSP70651	TTS4002	1	8	120								120	
IV		KHÓA LUẬN HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ												
		4.1. Khóa luận tốt nghiệp	1	6	90								90	
63	KTN4003	Khóa luận tốt nghiệp	1	6	90								90	
		4.2. Học phần chuyên môn thay thế TN	3	6	90								90	
64	TTG4004	Thể thao giải trí	1	2	30								30	
65	TTM4005	Truyền thông và Marketing thể thao	1	2	30								30	
66	KTT4006	Kinh tế học thể dục thể thao	1	2	30								30	
67	LTT4007	Lý luận thể thao thành tích cao	1	2	30								30	
68	DDT4008	Dinh dưỡng trong TDTT	1	2	30								30	
		<i>Tổng cộng TH, TT và tốt nghiệp</i>	3	16	240	0	0	0	0	0	0	30	210	
		<i>Tổng số phân kiến thức chuyên môn</i>	38	107	1635	135	165	180	255	210	195	255	240	
		TỔNG SỐ	49	132	2010	255	270	210	285	240	255	255	240	

* Không tính vào số tín chỉ và điểm của chương trình đào tạo



TS. Nguyễn Duy Quyết